



Số : 0117/VP-NQ-HĐCĐ

Hải Phòng, ngày 21 tháng 04 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 /11/ 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 ngày 21/04/2017.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP được tổ chức vào hồi 8h30 phút ngày 21/04/2017 tại Phòng hội thảo Hữu Nghị, khách sạn Hữu Nghị, địa chỉ 60 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, với 218 Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp, đại diện 13.818.828 cổ phần tương đương 91,66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của toàn Công ty.

Đại hội đã thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty về tổ chức Đại hội cổ đông thường niên và

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua toàn văn báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên 2017 về tình hình hoạt động SXKD và công tác quản trị Công ty trong năm 2016;

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Điều 3: Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017;

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2016 của Công ty như sau:

STT	Chi tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	792.396.000
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	100.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế để lại	670.453.978
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	0
Tổng		1.562.849.978



Điều 5: Thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016 và phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 như sau :

+ Tổng thù lao HĐQT và BKS năm 2016 là 901.692.000 VNĐ trong đó:

- Thù lao HĐQT là 628.452.000 VNĐ;
- Thù lao BKS là 273.240.000 VNĐ.

+ Thù lao HĐQT và BKS năm 2017: Được tính trên cơ sở mức thù lao là thu nhập bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty nhân với hệ số chức danh cho từng thành viên theo bảng sau :

Thứ tự	Chức danh	Hệ số
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,6
2	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	0,5
3	Thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát	0,4
4	Thành viên Ban Kiểm soát	0,3

+ Phương thức chi trả thù lao :

Thực hiện tạm chi trả hàng quý theo mức thu nhập bình quân tháng tạm tính của người lao động trong Công ty, sau đó sẽ quyết toán khi kết thúc năm tài chính;

Điều 6: Ủy quyền cho Ban Kiểm soát phối hợp cùng Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba Công ty Kiểm toán dưới đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Bán niên và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc Tế (IFC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Điều 7: Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty với các chỉ tiêu chính như sau :

TT	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017	Giá trị (1.000 VNĐ)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137,640,857
2	Giá vốn dịch vụ	100.372.226
3	Lợi nhuận gộp (III = I - II)	37.268.631
4	Doanh thu hoạt động tài chính	
5	Chi phí hoạt động tài chính	23,114,780
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,372,765
7	Lợi nhuận khác	
8	Lợi nhuận trước thuế (VIII=III-V-VI)	9.781.086
9	Lợi nhuận sau thuế	8.802.977
10	Tỷ lệ chia cổ tức	80% lợi nhuận sau thuế

Điều 8: Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải hóa dầu VP (Theo Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP vận tải hóa dầu VP kèm theo).

00809
ÔNG T
PHẬT
TÀI HOÀ
VP
ING T. PH

Điều 9: Tổ chức thực hiện:

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty, và các cổ đông Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty triển khai Nghị quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP./.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP**



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Khánh





NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI HOÀ DẦU VP

(Kèm theo Nghị quyết số 0117/VP-NQ-HĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên 2017 ngày 21/04/2017)

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự kiến sửa đổi	Ghi chú
PHẦN MỞ ĐẦU			
	<p>- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ 01/7/2006;</p> <p>- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính;</p> <p>Bản Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 0114/VP-NQ-HĐCĐ ngày 18/11/2014 của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 tổ chức chính thức vào ngày 18 tháng 11 năm 2014. Bản Điều lệ này là cơ sở pháp lý và chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Hòa dầu VP.</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ 01/7/2015;</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số.... của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 tổ chức vào ngày 21 tháng 04 năm 2017. Bản Điều lệ này là cơ sở pháp lý và chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Hòa dầu VP.</p>	<p>Phù hợp với thực tế ngày thông qua Điều lệ.</p>
Điều 1. Giải thích từ ngữ			
	<p>b. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p>	<p>d. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua được ghi tại Điều 5 Điều lệ này;</p>	<p>Theo Khoản 29 Điều 4, Luật DN số 68</p>

<p>c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;</p>	<p>c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014</p>	
<p>e. "Cán bộ quản lý (CBQL)" là Giám đốc điều hành (GDDH), Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị (HĐQT) phê chuẩn;</p>	<p>e. "Cán bộ quản lý (CBQL)" là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành (GDDH), Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị (HĐQT) phê chuẩn;</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 18 Điều 4 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>		
<p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh <u>đã đăng ký</u>, nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.</p>	<p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, thực hiện trách nhiệm đối với Nhà nước, Xã hội và phát triển Công ty.</p>	<p>Theo Điều 29 Luật DN 2014 không cần phải đăng ký ngành nghề kinh doanh.</p>
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p>		
<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được DHHCD thông qua.</p>	<p>Gộp khoản 1 và khoản 2 thành: Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật không cấm. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành nghề kinh doanh.</p>	<p>Theo Điều 7 Luật DN số 2014</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p>		
<p>2. Công ty có thể <u>tăng</u> vốn điều lệ khi được DHHCD thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>2. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ theo quyết định của DHHCD và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Theo Điều 111 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p>		
<p>2. Người <u> nắm giữ</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp DHHCD và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại DHHCD hoặc thông qua đại diện <u>được</u></p>	<p>2. Người <u> sở hữu</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp DHHCD và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại DHHCD hoặc thông qua đại diện</p>	<p>Theo Điều 114 Luật DN số 2014</p>

<p>ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p>	<p>theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p>	
<p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty....</p>	<p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty...</p>	<p>theo Điều 114 Luật DN số 2014</p>
<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p>	
<p>b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Khoản 3, Điều 114 – Luật DN 2014</p>	<p>Theo khoản g Điều 114 Luật DN 2014 để chính xác, tránh hiểu lầm khi phân chia TS</p>
<p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;</p>	<p>c. Xem xét và trích lục số biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p>	<p>Theo khoản 2. Điều 114 Luật DN 2014</p>
<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực</p>	<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực</p>	<p>Theo điểm c. Khoản 2 và khoản 3 Điều 114. Luật DN2014 Bổ sung “Thẻ căn cước công dân”</p>
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p>		
<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về</p>	<p>Theo Điều 115, Khoản 1 – Luật DN 2014</p>

	<p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông (DHDCCD)</p> <p>1. DHDCCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. DHDCCD phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>6. Bỏ</p> <p>1. DHDCCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. DHDCCD thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. DHDCCD phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2. Điều 136 Luật DN 2014</p>
<p>3. HĐQT phải triệu tập DHDCCD bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này.</p>	<p>3. HĐQT phải triệu tập DHDCCD bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của HĐQT, BKS ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;</p>	<p>Bổ sung “BKS” theo Điều 136 Luật DN 2014</p>
<p>e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc CBQL vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>e. Theo yêu cầu của BKS;</p>	<p>Theo điểm d khoản 3. Điều 136 Luật DN 2014</p>
<p>4. Triệu tập họp DHDCCD bất thường:</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp DHDCCD theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp</p>	<p>4. Triệu tập họp DHDCCD bất thường:</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp DHDCCD theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 136 Luật DN 2014</p>

<p>theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp DHHCD theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp DHHCD theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp DHHCD theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, ...</p>	<p>tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp DHHCD theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><i>Trong trường hợp này thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</i></p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp DHHCD theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp DHHCD theo quy định Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này thì BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p> <p>Trong trường hợp này, ...</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 136 Luật DN 2014</p>
<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>		
<p>1. DHHCD thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của HĐQT;</p> <p>c. Báo cáo của BKS;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. DHHCD thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;</p> <p>d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, GDDH;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền DHHCD.</p>	<p>Khoản 2 Điều 135 Luật DN 2014</p>
<p>2. DHHCD thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>2. DHHCD thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	

<p>1. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>1. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Theo khoản 2. Điều 135 Luật DN 2014</p> <p>Thay đổi tỷ lệ tương ứng với điểm m. Khoản 2 Điều này</p>
Điều 17. Triệu tập DHD/CĐ, chương trình họp và thông báo họp DHD/CĐ		
<p>2. Người triệu tập DHD/CĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành DHD/CĐ; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức DHD/CĐ;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp DHD/CĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>2. Người triệu tập DHD/CĐ đồng phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp DHD/CĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp DHD/CĐ được lập không sớm hơn hai mươi (20) ngày trước ngày gửi thông báo họp DHD/CĐ.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>đ. Dự thảo nghị quyết của DHD/CĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>Theo khoản 7 Điều 136 và khoản 1 Điều 137 Luật DN số 2014.</p>
<p>3..... Thông báo họp DHD/CĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp DHD/CĐ</p>	<p>3..... Thông báo họp DHD/CĐ phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp DHD/CĐ</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 139 Luật DN 2014.</p>

Điều 18. Các điều kiện tiến hành hợp DHDCCD		
<p>1. DHDCCD được tiến hành khi có số cổ đông dự hợp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>1. DHDCCD được tiến hành khi có số cổ đông dự hợp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Theo Điều 141 Luật DN 2014.</p>
<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hợp huy' cuộc họp. DHDCCD phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức DHDCCD lần thứ nhất. DHDCCD triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự hợp đại diện cho ít nhất 55% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập hợp huy' cuộc họp. DHDCCD phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức DHDCCD lần thứ nhất. DHDCCD triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự hợp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Theo Điều 141 Luật DN 2014.</p>
Điều 19. Thẻ thực tiến hành hợp và biểu quyết tại DHDCCD		
	<p>Bổ sung thêm một khoản mới (khoản 4) sau khoản 3 như sau:</p> <p>4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp DHDCCD trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p>	
<p>4. Chủ tịch HĐQT làm Chủ toạ các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch làm Chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ toạ, các thành viên HĐQT bầu một trong số họ điều</p>	<p>5. Chủ tịch HĐQT làm Chủ toạ các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch làm Chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ toạ, các thành viên HĐQT bầu một trong số họ điều khiển để DHDCCD theo nguyên tắc đa số. Trường hợp</p>	<p>Theo khoản 2. Điều 142 Luật DN 2014.</p>

<p>Khiển để DHDGD bầu Chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ toạ cuộc họp. Trong các trường hợp khác,...</p>	<p><i>không bầu được người làm Chủ toạ thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để DHDGD bầu Chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ toạ cuộc họp.</i> Trong các trường hợp khác,...</p>	
<p>5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của DHDGD.</p>	<p>6. <i>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được DHDGD thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</i></p>	<p>Theo khoản 3. Điều 142 Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của DHDGD</p>		
<p>1. Từ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của DHDGD sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại DHDGD.</p>	<p>1. Từ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của DHDGD sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại DHDGD.</p>	<p>Theo Khoản 2 Điều 144 Luật DN 2014.</p>
<p>2. Các quyết định của DHDGD liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại DHDGD (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện</p>	<p>2. Các quyết định của DHDGD về nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại DHDGD: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; đ. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. e. Tổ chức lại, giải thể Công ty; Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện</p>	<p>Theo Khoản 1 Điều 144 Luật DN 2014.</p>

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của HĐQT		
<p>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của HĐQT và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đàm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của HĐQT và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đàm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Theo khoản 2. Điều 145 Luật DN 2014.</p>
<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>Theo đúng khoản 4. Điều 145 Luật DN 2014 (bổ sung: hình thức Fax và chi tiết hơn).</p>
<p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.</p>	

<p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp DHDCCD.</p>	<p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp DHDCCD.</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 144 luật DN 2014.</p>
<p>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>		
<p>Người chủ trì DHDCCD chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản DHDCCD. Biên bản DHDCCD phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày DHDCCD kết thúc. Biên bản DHDCCD được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại DHDCCD trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><i>Cuộc họp của DHDCCD phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</i> Người chủ trì DHDCCD chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản DHDCCD. Biên bản DHDCCD phải được thông báo cho các cổ đông trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi DHDCCD kết thúc. Biên bản DHDCCD được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại DHDCCD trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Theo khoản 1. Điều 146 Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của DHDCCD</p>		
<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp DHDCCD hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến DHDCCD, cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, GDDH có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của DHDCCD trong các trường hợp sau đây :</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày thông báo biên bản họp DHDCCD hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến DHDCCD, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của DHDCCD trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Theo Điều 147 Luật DN 2014.</p>
<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp DHDCCD không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của DHDCCD không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Theo Điều 147 Luật DN 2014.</p>

<p>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ</p>	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ</p>	
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p>		
<p>1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá (05) năm năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tái cử thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>Theo khoản 2. Điều 150 Luật DN 2014; Không còn quy định về nhiệm kỳ của HĐQT</p> <p>Theo khoản 1 Điều 134 Luật DN 2014; mô hình Công ty có BKS, vì vậy không cần phải có TV HĐQT độc lập.</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p>		
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với CBQL theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do</p> <p>i. <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT</i>; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với CBQL theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p>	<p>Theo điểm i. khoản 2 Điều 149 Luật DN 2014; Cho phép HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT"</p>
<p>o. Quyết định đầu tư tài sản có giá trị từ năm (5) tỷ đồng đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã kiểm toán của Công ty; Quyết định bán tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã kiểm toán của Công ty;</p>	<p>o. Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>Phù hợp với khoản 2. Điều 14 Điều lệ Công ty</p>
<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.</p>	

<p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư Công ty và liên doanh);</p>	<p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do DHCĐD phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư Công ty và liên doanh);</p>	<p>Theo khoản 2. Điều 149 Luật DN 2014.</p>
<p>Không có</p>	<p><i>Bổ sung:</i> Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 Điều 17 và khoản 4, khoản 6 Điều 37 Điều lệ này.</p>	<p>- Theo điểm h. Khoản 2 Điều 149 Luật DN2014.</p>
<p>5. HĐQT phải báo cáo DHCĐD về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với GDDH và những CBQL khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho DHCĐD, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.</p>	<p>5. HĐQT phải báo cáo DHCĐD về hoạt động của mình bao gồm cả nội dung giám sát của HĐQT đối với GDDH và những CBQL khác trong năm tài chính.</p>	
<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT</p>		
<p>h. Quyết định cử cán bộ đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;</p>	<p>h. Quyết định cử CBQL đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;</p>	
<p>Điều 27. Các cuộc họp của HĐQT</p>		
<p>2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>	<p>2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>	<p>Theo khoản 5. Điều 153 Luật DN 2014: Giám số ngày chậm nhất từ 5 ngày xuống 3 ngày làm việc.</p>

<p>4. Các cuộc họp HDQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất hợp. Trường hợp Chủ tịch HDQT ...</p>	<p>4. Các cuộc họp HDQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <i>bảy (07) ngày làm việc</i> sau khi có đề xuất hợp. Trường hợp Chủ tịch HDQT ...</p>	<p>Theo khoản 5. Điều 153 Luật DN 2014.</p>
<p>7. Thông báo họp HDQT phải được gửi trước cho các thành viên HDQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thành viên Hội đồng ...</p>	<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên HDQT ít nhất <i>ba (03) ngày làm việc</i> trước khi tổ chức họp. Thành viên HDQT...</p>	<p>Theo khoản 5. Điều 153 Luật DN số 2014.</p>
<p>8. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong <u>thời hạn mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HDQT dự họp.</p>	<p>8. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong <i>thời hạn bảy (07) ngày</i> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HDQT dự họp.</p>	<p>Theo khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014.</p>
<p>9. Biểu quyết: d. Thành viên HDQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35</u> Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>9. Biểu quyết: d. Thành viên HDQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <i>Khoản 5, Khoản 6 Điều 35</i> Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Khoản 4 Điều 35 đã được sửa đổi lại (Xem Điều 35 ở dưới)</p>
<p>14. Chủ tịch HDQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HDQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HDQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HDQT tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HDQT tham gia cuộc họp.</p>	<p>14. Các cuộc họp của HDQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch HDQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HDQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HDQT được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp HDQT phải có họ, tên và chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HDQT.</p>	<p>Theo khoản 1 và khoản 3 Điều 154 Luật DN 2014: Không cần phải thành viên dự họp. (chỉ cần chủ tọa và Thư ký ghi biên bản)</p>

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của GDDH

<p>2. Nhiệm kỳ của GPDH là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm</p>	<p>2. Nhiệm kỳ của GPDH không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 157 Luật DN 2014.</p>
<p>3. GPDH có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và DHDCEB; kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và DHDCEB thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, số lượng và các loại CBQL mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của CBQL; xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, ban hành các quy chế quản lý nội bộ trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>d. Quyết định đầu tư tài sản có giá trị dưới năm (05) tỷ đồng;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;</p> <p>f. Tuyên dụng lao động, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty;</p> <p>g. Vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, GPDH phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>3. GPDH có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. <i>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;</i></p> <p>b. <i>Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;</i></p> <p>c. <i>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</i></p> <p>d. <i>Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</i></p> <p>d. <i>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty; trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;</i></p> <p>e. <i>Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của GPDH;</i></p> <p>g. <i>Tuyển dụng lao động;</i></p> <p>h. <i>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</i></p> <p>i. <i>Quyết định cử các chức danh không do HĐQT bổ nhiệm và người lao động trong công ty đi công tác, du lịch tại nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;</i></p> <p>j. <i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế Quản lý Công ty và nghị quyết của HĐQT.</i></p>	<p>Theo khoản 3 Điều 157 Luật DN 2014.</p>

<p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của GDDH và pháp luật hiện hành.</p>		
	<p>Bổ sung một khoản:</p> <p>4. GDDH phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế quản lý của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của HĐQT. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì GDDH phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 157 Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 31. Thư ký Công ty</p> <p>HDQT chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HDQT. HDQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HDQT cũng có thể bổ nhiệm một (01) Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của HDQT, BKS và DHDCD theo yêu cầu của HDQT hoặc BKS. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự và ghi biên bản các cuộc họp. 	<p>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyên dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ HDQT và Chủ tịch HDQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hỗ trợ tổ chức tập họp DHDCD, HDQT; ghi chép các biên bản họp; 2. Hỗ trợ thành viên HDQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; 3. Hỗ trợ HDQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty; 	<p>Theo khoản 5. Điều 152 Luật DN 2014: Trục tiếp Chủ tịch HDQT quyết định về việc tuyên dụng Thư ký Công ty.</p>

<p>4. Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với pháp luật hiện hành.</p> <p>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.</p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.</p>	<p>4. <i>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông:</i></p> <p>5. <i>Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính:</i></p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát đối thành Kiểm soát viên		
<p>1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, GPDH và các CBQL khác của Công ty. BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau :</p>	<p><i>BKS của Công ty có 03 Kiểm soát viên do Đại hội cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i></p>	<p>Theo Khoản 2 điều 163; khoản 2 Điều 164 Luật DN 2014.</p>
<p>Không có</p>	<p><i>Bổ sung:</i></p> <p><i>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:</i></p> <p><i>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p><i>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, GPDH và CBQL khác;</i></p> <p><i>c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</i></p>	<p>Theo khoản 1,2 Điều 164 Luật DN 2014.</p>

<p>4. Các thành viên của BKS do DHDCEĐ bầu, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>		<p>Đã được bổ sung vào khoản 1. Điều 32 ở trên.</p>
<p>Cụm Từ: "Thành viên Ban Kiểm soát" trong Điều lệ</p>	<p>thay bằng: "Kiểm soát viên"</p>	<p>Theo Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS</p>		
<p>1. BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	<p>1. BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	<p>Theo Điều 166 Luật DN 2014: Để chi tiết, cụ thể hơn.</p>
<p>2. Thành viên HĐQT, GĐĐH và CBQL khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng, toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.</p>	<p>2. Quyền được cung cấp thông tin của BKS:</p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;</p> <p>b. Các nghị quyết và biên bản họp của DHDCEĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT;</p> <p>c. Báo cáo của GĐĐH trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;</p> <p>d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của CBQL và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;</p> <p>d. HĐQT, thành viên HĐQT, GĐĐH, CBQL khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.</p>	
<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</p>		

<p>2. Thành viên HDQT, thành viên BKS, GPDH và CBQL khác có nghĩa vụ thông báo cho HDQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>2. Thành viên HDQT, Kiểm soát viên, GPDH và CBQL khác có nghĩa vụ kê khai cho HDQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. <i>Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai được thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Theo Điều 159 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một (01) hoặc nhiều thành viên HDQT, thành viên BKS, GPDH, CBQL khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HDQT, thành viên BKS, GPDH, CBQL khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây :</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của CBQL hoặc thành viên HDQT đã được báo cáo cho HDQT. Đồng thời, HDQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của CBQL hoặc thành viên HDQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các</p>	<p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được DHHCD hoặc HDQT chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên HDQT, GPDH và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp</p> <p>5. HDQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HDQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HDQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>6. DHHCD chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo HDQT và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội</p>	<p>Theo Điều 162 Luật DN 2014.</p>

<p>cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên HĐQT, thành viên BKS, GDDH, CBQL khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p><i>dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giai trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp DHDGD hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</i></p> <p><i>7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc GDDH có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</i></p>	
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XV</p> <p style="text-align: center;">BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM</p> <p style="text-align: center;">CÔNG BỐ THÔNG TIN,</p> <p style="text-align: center;">THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XV</p> <p style="text-align: center;">BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI</p> <p style="text-align: center;">CHÍNH, CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	
<p>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này và phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được DHDGD thông qua cho cơ quan thuế có liên quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phân ánh đầy đủ, trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phân ánh trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính</p>	<p>Điều 43. Báo cáo tài chính</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, chín tháng và kết thúc năm tài chính. Nội dung báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật hiện hành về kế toán doanh nghiệp và phân ánh đầy đủ, trung thực, khách quan tình hình hoạt động của công ty trong kỳ báo cáo. Báo cáo tài chính 06 tháng (giữa niên độ) và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo qui định tại <i>Điều 45 Điều lệ này.</i></p>	

<p>đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (nếu Công ty đã niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế có liên quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp. Mức phí này do GDDH xác định.</p>	<p>2. Công ty phải gửi các báo cáo tài chính nêu tại <i>Khoản 1</i> và báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (06 tháng và kết thúc năm tài chính) đến Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan, đơn vị liên quan theo qui định của Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Công ty thực hiện công bố thông tin, bao gồm nội dung thông tin, thời gian phải công bố và phương tiện công bố thông tin theo đúng qui định tại Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.</p> <p>4. <i>Bỏ</i></p> <p>5. <i>Bỏ</i></p>	
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN</p>	
<p>Điều 45. Kiểm toán</p> <p>1. ĐHDCD thường niên chi định một (01) công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một (01) trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HDQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2.....</p>	<p>Điều 45. Kiểm toán</p> <p>1. ĐHDCD thường niên <i>lựa chọn</i> một (01) công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập <i>được chấp nhận</i> và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một (01) trong số các đơn vị này <i>thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính</i> trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HDQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính <i>cần kiểm toán</i> cho công ty kiểm toán độc lập <i>vào thời điểm thích hợp sau khi kết thúc niên độ</i>.</p>	

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	2..... 3.B6	
Điều 46. Con dấu		
1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. <i>HDQT quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.</i>	Theo Điều 44 Luật DN 2014.
Điều 51. Ngày hiệu lực		
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được DHDHCD Công ty cổ phần Vận tải Hóa dầu VP nhất trí thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2014 tại DHDHCD năm 2014 thay thế bản Điều lệ được DHDHCD thành lập thông qua ngày 16/03/2008 và sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp DHDHCD bất thường năm 2010 và DHDHCD năm 2013 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được DHDHCD Công ty cổ phần Vận tải Hóa dầu VP nhất trí thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2017 thay thế bản Điều lệ được DHDHCD thường niên năm 2014 thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY




CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Minh